TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THỊ XÃ GIÁ RAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẠC LIÊU
Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Yến Ngọc**
Các Hội thẩm nhân dân:
1/Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**
2/Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Ông **Lê Khắc Hải -** Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai-tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp**- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp "ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Bé B** sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp KT A, xã TP, thị xã G R, tỉnh B L
* Bị đơn: ông **Trần Công V** sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp KT A, xã TP, thị xã G R, tỉnh B L
(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ, bà Nguyễn Thị Bé B trình bày: Vào năm 1999, bà và ông Trần Công V tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và đi đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Tân Phong, thị xã Giá Rai ngày 13/05/2013. Quá trình chung sống, ông bà có 03 người con chung tên Trần Anh K sinh ngày 08/02/2001, Trần Anh T sinh ngày 29/12/2012 và Trần T1 T1 sinh ngày 12/07/2018, hiện nay các con đang sống với bà. Lý do bà B xin ly hôn với ông V là vì mỗi khi ông V uống rượu là đánh và chửi mắng bà, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay, bà B không còn tình cảm với ông V.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Bé B yêu cầu được ly hôn với ông Trần Công V.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi người 02 con chung tên Trần Anh T sinh ngày 29/12/2012 và Trần T1 T1 sinh ngày 12/07/2018, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con tên Trần Anh K sinh ngày 08/02/2001 đã trưởng thành, sống tự lập.

-Về T sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với ông Trần Công V: Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Trần Công V nhưng ông không đến tòa để thể hiện ý kiến của mình, không tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, đương sự đầy đủ. Hội đồng xét xử (HĐXX) có đầy đủ thành viên và thư ký phiên tòa, từ khi thụ lý đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt lần thứ hai nên toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai về nội dung vụ án là áp dụng các Điều 56, 81, 82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé B đối với ông Trần Công V; Về con chung: Giao 02 người con chung tên Trần Anh T sinh ngày 29/12/2012 và Trần T1 T1 sinh ngày 12/07/2018 cho bà Nguyễn Thị Bé B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông V do bà B không yêu cầu; không đặt ra xem xét giải quyết về T sản và nợ chung do đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt không lý do, hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông V theo quy định tại điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé B và ông Trần Công V chung sống với nhau năm 1999, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, vì vậy theo quy định của pháp luật thì hôn nhân của bà B và ông V là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do vợ chông ông V và bà B xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cải với nhau. Ông V không hợp tác theo giấy triệu tập hoà giải của Toà án, toà án không tiến hành hoà giải hôn nhân cho vợ chồng ông bà do ông vắng mặt 2 lần. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải dựa trên sự thương yêu, tôn trọng, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẽ công việc trong gia đình nhưng bà B xác định không còn yêu thương ông V, vợ chồng ông bà không ai quan tâm chăm sóc ai.

HĐXX xét thấy mối quan hệ hôn nhân của bà B và ông V thật sự rạn nức, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé B đối với ông Trần Công V.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Bé B và ông Trần Công V có 03 người con chung tên Trần Anh K sinh ngày 08/02/2001, Trần Anh T sinh ngày 29/12/2012 và Trần T1 T1 sinh ngày 12/07/2018, hiện nay các con đang sống với bà. Yêu cầu được tiếp tục nuôi người 02 con chung tên Trần Anh T sinh ngày 29/12/2012 và Trần T1 T1 sinh ngày 12/07/2018, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con tên Trần Anh K sinh ngày 08/02/2001 đã trưởng thành, sống tự lập.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi thì xem xét về mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Qua xác minh tại địa phương thì 03 người con chung đang sống với bà B, Hội đồng xét xử xét thấy cháu T và cháu T1 còn nhỏ tuổi cần có sự yêu thương chăm sóc của người mẹ, trong hồ sơ cũng thể hiện ý kiến của cháu T là có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu T1 dưới 07 tuổi nên toà không ghi ý kiến, bà B yêu cầu được chăm sóc 02 con chưa thành niên vì rất yêu thương con. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 người con chung tên Trần Anh T sinh ngày 29/12/2012 và Trần T1 T1 sinh ngày 12/07/2018 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con ông V do bà B không yêu cầu. Trường hợp sau này một bên không có khả năng nuôi con, mà một bên có khả năng về kinh tế để đảm bảo nuôi con thì có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với người con tên Trần Anh K sinh ngày 08/02/2001 đã trưởng thành, sống tự lập nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4] Về quan hệ T sản chung và nợ: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé B đối với ông Trần Công V.

2/ Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung tên Trần Anh T sinh ngày 29/12/2012 và Trần T1 T1 sinh ngày 12/07/2018 cho bà Nguyễn Thị Bé B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần Công V. Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về quan hệ T sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị Bé B phải nộp 300.000đ nhưng chị đã dự nộp 300.000đ, tại biên lai thu số 0003805 ngày 14/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

LÊ YẾN NGỌC

Nơi nhận :
-Tòa án Tỉnh
-VKS cùng cấp
-Thi hành án
-Đương sự
-UBND xã, phường nơi đương sự ĐKKH
-Lưu hồ sơ

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán- Chủ toạ
Cao Thị Mỹ Phượng – Võ Phương Lan	Lê Yến Ngọc